

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TC
TỈNH SL**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 01/2020/HNGĐ – ST

Ngày: 23/11/2020

V/v: Ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TC, TỈNH SL**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Vũ Văn Nghĩa.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Hoàng Trung Trọng + Bà Lê Hồng Nhung.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Lan Phụng - Thư ký Tòa án nhân dân huyện TC, tỉnh SL.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện TC, tỉnh SL tham gia phiên tòa: Ông Lò Văn Thúc - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 11 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện TC, tỉnh SL xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 09/2020/TLST - HNGĐ ngày 05/10/2020, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 01/2020/QĐST-HNGĐ, ngày 04/11/2020; giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Lò Thị T, sinh năm 1995.

2. *Bị đơn:* Anh Lù Văn M, sinh năm 1995.

Địa chỉ: Đều trú tại bản TRC, xã TL, huyện TC, tỉnh SL.

(đều có mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện, bản tự khai, tại phiên hòa giải và tại phiên tòa nguyên đơn chị Lò Thị T trình bày:

Chị Lò Thị T và anh Lù Văn M kết hôn với nhau có đăng ký kết hôn ngày 25/5/2015 tại Ủy ban nhân dân xã PL, huyện TC, tỉnh SL, kết hôn trên cơ sở tự nguyện không bị ép buộc. Kể từ khi kết hôn cuộc sống vợ chồng hạnh phúc, đến năm 2018 vợ chồng phát sinh mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, nguyên nhân mâu thuẫn do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, thường xuyên xảy ra cãi vã, không tìm được tiếng nói chung, mâu thuẫn kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, ảnh hưởng đến việc nuôi dạy con cái, chị T và anh M đã sống ly thân từ đầu năm 2019 cho đến nay. Chị T cho rằng tình cảm vợ chồng không còn, chị đề nghị được ly hôn anh Lù Văn M.

Về con chung: Chị T và anh M có 01 con chung là cháu Lù Thị NN, sinh ngày 28/6/2015. Chị T có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dạy và chăm sóc cháu N.

Về cấp dưỡng nuôi con: Chị T không yêu cầu anh M phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: Không có.

Về tài sản riêng: Không có.

Về nợ chung: Chị T cam đoan không có nợ chung.

Trong bản tự khai, tại phiên hòa giải và tại phiên tòa bị đơn anh Lù Văn M trình bày:

Anh Lù Văn M và chị Lò Thị T kết hôn với nhau có đăng ký kết hôn ngày 25/5/2015 tại Ủy ban nhân dân xã PL, huyện TC, tỉnh SL, kết hôn trên cơ sở tự nguyện không bị ép buộc. Kể từ khi kết hôn cuộc sống vợ chồng hạnh phúc, đến năm 2018 vợ chồng phát sinh mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, nguyên nhân mâu thuẫn do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, thường xuyên xảy ra cãi vã, không tìm được tiếng nói chung, mâu thuẫn kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, chị T và anh M đã sống ly thân từ đầu năm 2019 cho đến nay. Anh M cho rằng tình cảm vợ chồng vẫn còn, anh không nhất trí ly hôn chị Lò Thị T.

Về con chung: Anh M và chị T có 01 con chung là cháu Lù Thị NN, sinh ngày 28/6/2015. Anh M có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dạy và chăm sóc cháu N.

Về cấp dưỡng nuôi con: Anh M không yêu cầu chị T phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: Không có.

Về tài sản riêng: Không có.

Về nợ chung: Anh M cam đoan không có nợ chung.

Các đương sự không cung cấp thêm chứng cứ cho Tòa án, không có ý kiến gì về các chứng cứ do các đương sự khác xuất trình và không yêu cầu triệu tập đương sự khác, người làm chứng, người tham gia tố tụng khác.

Tại phiên tòa, nguyên đơn chị Lò Thị T vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

Tại phiên tòa, đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện TC phát biểu ý kiến:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán: Kể từ khi Tòa án tiến hành thụ lý vụ án cho đến khi ra quyết định đưa vụ án ra xét xử, Thẩm phán đã thực hiện các thủ tục tố tụng theo đúng quy định của pháp luật.

Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử: Tại phiên tòa Hội đồng xét xử tham gia đúng thành phần trong quyết định đưa vụ án ra xét xử, các trình tự của phiên tòa diễn ra theo đúng quy định của pháp luật.

Việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng: Nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện đúng các quy định tại Điều 70; Điều 71; Điều 72; Điều 209; Điều 211 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Viện kiểm sát đề nghị áp dụng Điều 51; Điều 56; Điều 81; Điều 82; Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 1 Điều 24; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị Quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016.

Xử cho chị Lò Thị T được ly hôn anh Lò Văn M, giao cháu Lò Thị NN, sinh ngày 28/6/2015 cho chị Lò Thị T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục. Chấp nhận chị Lò Thị T không yêu cầu anh Lò Văn M cấp dưỡng nuôi con chung; Về tài sản chung: Không có; Về tài sản riêng: Không có; Về nợ chung: Chị T và anh M cam đoan không có nợ chung.

Về án phí: Chị Lò Thị T phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Nguyên đơn chị Lò Thị T yêu cầu ly hôn với bị đơn anh Lò Văn M có địa chỉ tại bản TRC, xã TL, huyện TC, tỉnh SL. Tòa án nhân dân huyện TC, tỉnh SL thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền, theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân:

Chị Lò Thị T và anh Lò Văn M kết hôn với nhau có đăng ký kết hôn ngày 25/5/2015 tại Ủy ban nhân dân xã PL, huyện TC, tỉnh SL, kết hôn trên cơ sở tự nguyện không bị ép buộc. Kể từ khi kết hôn cuộc sống vợ chồng hạnh phúc, đến năm 2018 vợ chồng anh M và chị T phát sinh mâu thuẫn, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, nguyên nhân mâu thuẫn do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, thường xuyên xảy ra cãi vã, không tìm được tiếng nói chung, mâu thuẫn kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, ảnh hưởng đến việc nuôi dạy con cái, chị T và anh M đã sống ly thân từ đầu năm 2019 cho đến nay. Tình cảm vợ chồng không còn, chị T yêu cầu ly hôn anh Lò Văn M.

Ý kiến anh M cho rằng tình cảm vợ chồng vẫn còn, anh không nhất trí ly hôn.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành hòa giải với mục đích hòa giải hàn gắn quan hệ vợ chồng nhưng không được, chị T vẫn kiên quyết ly hôn anh M.

Trên cơ sở xem xét các chứng cứ, bản tự khai, biên bản hòa giải và tại phiên tòa cho thấy cuộc sống chung vợ chồng của chị T và anh M không hạnh phúc, mâu thuẫn kéo dài, nguyên nhân do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, thường xuyên xảy ra cãi vã, không tìm được tiếng nói chung, đã sống ly thân được một thời gian, gia đình hai bên hòa giải nhiều lần nhưng không thành.

Từ các căn cứ nêu trên cho thấy mâu thuẫn của vợ chồng chị T và anh M đã thực sự trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ Điều 51, Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014,

cần chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Lò Thị T và xử cho chị Lò Thị T được ly hôn anh Lù Văn M.

[3] Về con chung: Chị T và anh M có 01 con chung là cháu Lù Thị NN, sinh ngày 28/6/2015. Chị T và anh M đều có yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cháu N.

Tại biên bản xác minh ngày 09/11/2020 tại Ủy ban nhân dân xã PL, huyện TC: Chị T có chỗ ở, thu nhập ổn định từ lao động làm thuê, hiện đang chung sống cùng bố mẹ đẻ tại bản TC, xã PL. Anh M đang làm việc ở BG.

Xét thấy chị Lò Thị T và anh Lù Văn M có chỗ ở, công việc và thu nhập. Tuy nhiên, cháu Lù Thị NN là con gái, còn nhỏ. Do đó cần giao cháu Lù Thị NN cho chị Lò Thị T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục.

Chấp nhận chị Lò Thị T không yêu cầu anh M phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Căn cứ Điều 81; Điều 82; Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình.

[4] Về tài sản chung: Không có.

[5] Về tài sản riêng: Không có.

[6] Về nợ chung: Chị T và anh M cam đoan không có nợ chung.

[7] Về án phí: Chị Lò Thị T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 51; Điều 56; Điều 81; Điều 82; Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 1 Điều 24; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị Quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016.

1. Xử cho chị Lò Thị T được ly hôn anh Lù Văn M.

2. Về con chung: Giao cháu Lù Thị NN, sinh ngày 28/6/2015 cho chị Lò Thị T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục.

Sau khi ly hôn người không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom con, không ai được cản trở người đó thực hiện quyền này, không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng con.

3. Về cấp dưỡng nuôi con: Anh Lù Văn M không phải cấp dưỡng nuôi con chung (Chị T không yêu cầu anh M cấp dưỡng nuôi con).

4. Về tài sản chung vợ chồng: Không có.

5. Về tài sản riêng: Không có.

6. Về nợ chung: Chị T và anh M cam đoan không có nợ chung.

7. Về án phí: Chị Lò Thị T phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm không có giá ngạch, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai số:

AA/2019/0000883, ngày 05 tháng 10 năm 2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện TC, tỉnh SL.

8. Về quyền kháng cáo: Chị Lò Thị T, anh Lò Văn M được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (ngày 23/11/2020)/.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh SL;
- VKSND huyện TC;
- Chi cục THADS huyện TC;
- UBND xã PL, huyện TC, tỉnh SL;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ, lưu án văn.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Vũ Văn Nghĩa